

Số: 983 /QĐ-BQL

Hải Phòng, ngày 07 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ có Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ các quyết định về việc ban hành thủ tục hành chính các lĩnh vực trên địa bàn thành phố Hải Phòng của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng và các quyết định ủy quyền của các đơn vị, tổ chức ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành hệ thống tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3456/QĐ-BQL ngày 13/7/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng ban hành hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Ban Chỉ đạo ISO có trách nhiệm phổ biến, đôn đốc, theo dõi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo các tài liệu đã ban hành.

Điều 3. Ban Chỉ đạo ISO và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP/BQL.



TRƯỞNG BAN

Lê Trung Kiên

PHỤ LỤC
DANH MỤC QUY TRÌNH HỆ THỐNG QLCL THEO TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 983 /QĐ-BQL ngày 07 tháng 3 năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

STT	Tên quy trình	Mã quy trình
TÀI LIỆU CHUNG		
01	Chính sách chất lượng	CSCL
02	Mục tiêu chất lượng	MTCL
03	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	MHHT
04	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT.01
05	Quy trình kiểm soát quản lý rủi ro và cơ hội	QT.02
06	Quy trình đánh giá nội bộ	QT.03
07	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp, hành động khắc phục	QT.04
08	Quy trình xem xét của lãnh đạo đối với Hệ thống quản lý chất lượng	QT.05
09	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	QT.VP.01
10	Quy trình tiếp công dân	QT.VP.02
11	Quy trình kê khai tài sản thu nhập	QT.VP.03
12	Quy trình công khai bản kê khai tài sản thu nhập	QT.VP.04
13	Quy trình đăng ký nghi chế độ	QT.VP.05
14	Quy trình đề nghị cung cấp nội bộ	QT.VP.06
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC ĐẦU TƯ		
15	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	QT.ĐT.01
16	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	QT.ĐT.02
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	QT.ĐT.03
18	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý	QT.ĐT.04

19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	QT.ĐT.05
20	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý	QT.ĐT.06
21	Thủ chấm dứt hoạt động dự án đầu tư	QT.ĐT.07
22	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐT.08
23	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐT.09
24	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý	QT.ĐT.10
25	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	QT.ĐT.11
26	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố	QT.ĐT.12
27	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý	QT.ĐT.13
28	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý	QT.ĐT.14
29	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý	QT.ĐT.15
30	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý	QT.ĐT.16
31	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý	QT.ĐT.17
32	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh	QT.ĐT.18

	doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý	
33	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	QT.ĐT.19
34	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	QT.ĐT.20
35	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	QT.ĐT.21
36	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT.ĐT.22
37	Thông báo chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT.ĐT.23
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG		
38	Đăng ký nội quy lao động	QT.LĐ.01
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		
39	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	QT.TN.01
40	Cấp Giấy phép môi trường (đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý)	QT.TN.02
41	Cấp Giấy phép môi trường (đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện ủy quyền cho Ban Quản lý)	QT.TN.03
42	Cấp đổi Giấy phép môi trường (đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý)	QT.TN.04
43	Cấp đổi Giấy phép môi trường (đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện ủy quyền cho Ban Quản lý)	QT.TN.05
44	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường (đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý)	QT.TN.06
45	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường (đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện ủy quyền cho Ban Quản lý)	QT.TN.07
46	Cấp lại Giấy phép môi trường (đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý)	QT.TN.08
47	Cấp lại Giấy phép môi trường (đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện ủy quyền cho Ban Quản lý)	QT.TN.09
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN		

48	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trong khu kinh tế	QT.TN.10
49	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải có cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trong khu kinh tế	QT.TN.11
50	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư, trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình, mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trong khu kinh tế	QT.TN.12
51	Gia hạn sử dụng đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT.TN.13
52	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất trong khu kinh tế	QT.TN.14
53	Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế	QT.TN.15
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI		
54	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài	QT.DN.01
55	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài	QT.DN.02
56	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài	QT.DN.03
57	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài	QT.DN.04

58	Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài	QT.DN.05
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP KHẨU		
59	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O mẫu D)	QT.DN.06
60	Cấp lại giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O mẫu D)	QT.DN.07
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC QUY HOẠCH – XÂY DỰNG		
61	Cấp giấy phép xây (Bao gồm: Giấy phép xây dựng mới; giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo; giấy phép di dời công trình) đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban, trừ công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Bộ Xây dựng	QT.XD.01
62	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban	QT.XD.02
63	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi/ báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban	QT.XD.03
64	Thẩm định thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở/ thẩm định thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của Ban	QT.XD.04
65	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban, trừ công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	QT.XD.05
66	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban	QT.XD.06
67	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban	QT.XD.07
68	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch phân khu, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền thẩm định của Ban	QT.XD.08
69	Thẩm định đồ án quy hoạch phân khu, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu chức năng thuộc thẩm quyền thẩm định của Ban	QT.XD.09